

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 864/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh T, Bà Võ Kim Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Diệu T2 – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, T3 phố Hịa Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 430/2024/DSST ngày 22 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1174/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1390/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty T6 (Việt Nam); Địa chỉ : I P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền : bà Nguyễn Phước Quỳnh G (có mặt)

Bị đơn : Bà Trần Thị Kim T4 (vắng mặt) – sinh năm 1965; Địa chỉ : B Q, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2024 và tại bản tự khai, các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam) bà Trần Thị Lệ T5, bà Nguyễn Phước Q Giao cùng có ý kiến trình bày chung như sau: Ngày 06/3/2023, Công ty T6 (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số 4361078 về việc cấp tín dụng cho bà Trần Thị Kim T4 với khoản vay trị giá 32.417.700 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T6 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Trần Thị Kim T4. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị Kim T4 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.316.251 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 10/4/2023 đến ngày 10/3/2025. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 10/7/2023 bà Trần Thị Kim T4 đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T6 đã giải ngân. Công ty T6 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Trần Thị Kim

T4 thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T6 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà Trần Thị Kim T4 biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Trần Thị Kim T4 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T6. Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà Trần Thị Kim T4 vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà Trần Thị Kim T4 thanh toán cho Công ty T7 số tiền tạm tính đến ngày 28/2/2024 là: 41.997.024 đồng, trong đó số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 29.454.660 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 10.401.432 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi quá hạn): 1.771.290 đồng. Số tiền lãi chậm trả: 369.642 đồng. Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Kim T4 phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 28/2/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho bị đơn bà Trần Thị Kim T4 để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T4 đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam) bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày : nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024), bà Trần Thị Kim T4 còn nợ tổng cộng số tiền là 55.013.890 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi) đồng trong đó số tiền gốc còn lại chưa thanh toán là 29.454.660 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, tiền lãi phát sinh trong hạn là 16.570.902 (mười sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh hai) đồng, tiền lãi quá hạn, chậm trả là 8.988.328 (tám triệu chín trăm tám mươi tám nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Kim T4 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ đều tuân đúng quy định pháp luật theo các Điều 68, từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 93, 94, 95, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐ đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

-Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về tín dụng được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Trần Thị Kim T4 có đăng ký thường trú tại quận T,

Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Trần Thị Kim T4 đã được toà án tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Kim T4

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam)

- Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 4361078 ngày 06/3/2023 giữa Công ty T6 (Việt Nam) và bà Trần Thị Kim T4, Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có cơ sở để xác nhận giữa Công ty T6 (Việt Nam) và bà Trần Thị Kim T4 đã phát sinh quan hệ vay tài sản theo đó Công ty T6 (Việt Nam) đã giải ngân cho bà Trần Thị Kim T4 số tiền vay qua phiếu báo nợ Công ty T6 (Việt Nam) có số tài khoản tại Ngân hàng TMCP K là 19125812410022 gửi tiền cho người nhận là bà Trần Thị Kim T4 theo số giao dịch FT23065708037729 ngày giao dịch 06/3/2023. Ngân hàng TMCP K đã xác nhận theo Công văn số 093/2024-TCB/TCH ngày 31/7/2024 (bút lục số 48-49). Quá trình thực hiện hợp đồng, qua đối chiếu bản kế hoạch trả nợ và lịch sử thanh toán do nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam) cung cấp thì bà Trần Thị Kim T4 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại điều 7, điều 8 của hợp đồng tín dụng số 4361078 ngày 06/3/2023. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xác nhận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn bà Trần Thị Kim T4 vẫn vắng mặt không có lý do, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam) giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án.

- Xét, theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, do bị đơn bà Trần Thị Kim T4 vi phạm nghĩa vụ thanh toán và hợp đồng đã hết hạn thanh toán nên Công ty T6 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim T4 thanh toán nợ. Nhận thấy, yêu cầu này phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng cũng như phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, theo đó thì trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, có quyền chấm dứt việc cho vay và có quyền khởi kiện khách hàng vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Về phần lãi suất thì thỏa thuận về lãi suất giữa Công ty T6 (Việt Nam) và bà Trần Thị Kim T4 phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Việc bị đơn bà Trần Thị Kim T4 không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn Công ty T6 (Việt Nam).

Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Công ty

T6 (Việt Nam) là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà **Trần Thị Kim T4** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn **Công ty T6** (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 146, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T6** (Việt Nam)

Bà **Trần Thị Kim T4** phải thanh toán cho **Công ty T6** (Việt Nam) tổng số tiền chưa thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024) là 55.013.890 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi) đồng trong đó số tiền gốc còn lại chưa thanh toán là 29.454.660 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng, tiền lãi phát sinh trong hạn là 16.570.902 (mười sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn chín trăm linh hai) đồng, tiền lãi quá hạn, chậm trả là 8.988.328 (tám triệu chín trăm tám mươi tám nghìn ba trăm hai mươi tám) đồng.

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự : Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà **Trần Thị Kim T4** phải nộp số tiền là 2.750.694 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn sáu trăm chín mươi bốn) đồng. **Công ty T6** (Việt Nam) không phải nộp án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.049.926 (một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0008220 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, **T3** phố **Hạ Chí M** cho **Công ty T6** (Việt Nam).

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền